

Số: 634/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-4-2023

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, TTNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TTnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Trang - Thư ký Toà án nhân dân quận B, TTNh phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận B, TTNh phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 1753/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/9/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: Phường 13, quận B, TTNh phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phan V, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Phường 13, quận B, TTNh phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn kiện cùng các lời khai của bà Nguyễn Thị T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện như sau:

Bà và ông Phan V tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2019, được UBND Phường 13, quận B, TTnh phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 61, ngày 07/5/2019.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, ông V không lo làm ăn, lại nghiện thuốc, bà đã nhiều lần góp ý nhưng ông V vẫn không thay đổi, cuộc sống vợ chồng ngày càng ngột ngạt, căng thẳng do ông V thường xuyên đánh mắng, nhục mạ bà. Bản thân bà nhận thấy không thể tiếp tục chung sống cùng ông V, nên bà đã đem theo con nhỏ về nT mẹ ruột sống ly thân với ông V từ tháng 9/2022 đến nay. Trong suốt thời gian sống ly thân bà và ông V không ai quan tâm đến ai, mạnh ai lo cuộc sống của người đó, ông V chưa một lần gọi điện hỏi thăm bà và con sống ra sao.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng vợ chồng quay về đoàn tụ là không thể nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà T khai bà và ông V có 01 người con chung tên Phan H, sinh ngày 13/8/2020. Từ khi sống ly thân đến nay con do bà trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ H.

Về vấn đề cấp dưỡng việc nuôi con: Bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng việc nuôi con chung cho bà.

Về tài sản chung: Bà T khai bà và ông V không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà T khai bà và ông V không có nợ chung.

Phía bị đơn – ông Phan V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã V Tnh tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập lên tòa án làm bản tự khai, Thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng ông V vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có bất kỳ ý kiến gì trình bày bằng văn bản gửi cho Tòa án.

Tại phiên tranh luận:

Nguyên đơn không phát biểu ý kiến tranh luận.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho

đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Thẩm phán đã xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án V Tnh thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử và thời gian tổng đạt thông báo thụ lý cho các đương sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký đã tuân thủ đúng quy định Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp Tnh pháp luật của người tham gia tố tụng :

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 61, ngày 07/5/2019 của UBND phường 13, quận B, TTnh phố Hồ Chí Minh, nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V là hợp pháp.

Nguyên đơn trình bày: Bà và ông V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 13, quận B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, ông V không lo làm ăn, lại nghiện thuốc và thường xuyên đánh đập bà, bà đã nhiều lần góp ý nhưng ông V vẫn không thay đổi, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng nên bà đã đem con về nT mẹ ruột sống ly thân từ tháng 9/2022 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V để sớm ổn định lại cuộc sống.

Bị đơn là ông Phan V mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông V vẫn không đến tòa và cũng không có ý kiến gì phản hồi về việc bà T nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông. Điều này thể hiện ông không có thiện chí hòa giải đoàn tụ và thờ ơ với tình trạng hôn nhân của mình. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình yêu cầu được ly hôn của bà T là có cơ sở.

Về con chung: Bà T và ông V có 01 người con chung tên Phan H, sinh ngày 13/8/2020. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng việc nuôi con chung cho bà là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bởi các lẽ trên, đề nghị HĐXX:

Căn cứ Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu ly hôn của của bà Nguyễn Thị T. Giao con chung là trẻ Phan H, sinh ngày 13/8/2020 cho bà T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung: không có.

Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải đóng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của đương sự; nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, tTnh phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phan V là tranh chấp về Ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn – ông Phan V có địa chỉ cư trú tại số 449/4A Nơ Trang Long, Phường 13, quận B. Theo kết quả cung cấp chứng cứ ngày 28/9/2022 của Công an Phường 13, quận B, có cơ sở xác định ông Phan V có hộ khẩu thường trú và hiện đang thực tế cư ngụ sinh sống tại địa chỉ trên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã V Tnh triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử lần 1 vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 30/3/2023 và lần 2 lúc 08 giờ 00 phút ngày 20/4/2023 nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn V Tnh mở phiên tòa theo quy định.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn :

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phan V được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND Phường 13, quận B, TTnh phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 61, ngày 07/5/2019, nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Qua các lời khai của bà T có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đều khẳng định tình trạng hôn nhân giữa bà và ông V đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng Tn gắn. Nguyên nhân chính do bất đồng quan điểm sống, ông V là người nghiện thuốc nên thường xuyên đánh đập và nhục mạ bà. Bà đã nhiều lần góp ý, khuyên nhủ nhưng ông V vẫn không thay đổi, vợ chồng không tìm được Vg nói chung. Do không giải quyết được mâu thuẫn nên bà đã đem theo con nhỏ về nT mẹ ruột sống ly thân với ông V từ tháng 9/2022 đến nay. Bà T xác định, hiện bà không còn tình cảm gì với ông V, cả hai đã sống ly thân một thời gian khá dài, trong suốt thời gian sống ly thân giữa đôi bên chưa một lần gặp mặt cũng không liên lạc với nhau, mạnh ai lo cuộc sống của người đó.

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ lúc thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Phan V đến Tòa án để giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng ông V đều vắng mặt không có lý do. Trong đó có hai lần triệu tập hợp lệ ông V đến Tòa để Tòa án V Tnh phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ, ông V đã nhận văn bản của Tòa án nhưng cũng không có bất cứ ý kiến phản hồi gì bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Điều này thể hiện, ông V thực sự không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân giữa ông và bà T, không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn vợ chồng để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, chung tay nuôi dạy con cái.

Toà án cũng đã nhiều lần phân tích, động viên bà T quay về đoàn tụ với ông V nhưng bà T khẳng định bà không còn tình cảm gì với ông V, khả năng vợ chồng quay về đoàn tụ là không thể. Vì vậy, bà cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

Từ các cơ sở trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông V đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng Tn gắn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B.

Về con chung: Bà T khai bà và ông V có 01 người con chung tên Phan H, sinh ngày 13/8/2020. Từ khi ông bà sống ly thân đến nay, con do bà trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, ông V chưa một lần thăm hỏi. Do vậy, bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H, còn ông V không có bất kỳ ý kiến gì về yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu này của bà T là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ và tránh được sự xáo trộn về mặt tâm lý, do đó cần phải tiếp tục giao trẻ Hân cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Nghĩa vụ cấp dưỡng việc nuôi con: Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà T, về việc không yêu cầu ông V cấp dưỡng việc nuôi con chung cho bà.

Về tài sản chung: Bà T khai bà và ông V không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà T khai bà và ông V không có nợ chung.

3. Về án phí : Bà T phải nộp án phí DSST không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227 ; Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật thi Tnh án dân sự;

- Áp dụng Luật án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị T:

Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1997 và ông Phan V, sinh năm 1990 được ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 61, ngày 07/5/2019 được UBND Phường 13, quận B, TTnh phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị T và ông Phan V hết hiệu lực ngay sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao trẻ Phan H, sinh ngày 13/8/2020 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng việc nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T, về việc không yêu cầu ông Phan V cấp dưỡng việc nuôi trẻ Hân cho bà T.

Ông Phan V được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T khai bà và ông V không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai bà và ông V không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên thi Tnh án tại Cơ quan thi Tnh án có thẩm quyền.

2. *Án phí DSST* : 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị T nộp toàn bộ, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0013320 ngày 30/8/2022 của Chi cục thi Tnh án dân sự quận B. Sau khi căn trừ T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Quyền kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phan V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Tnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Tnh án dân sự thì người được thi Tnh án dân sự, người phải thi Tnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Tnh án, quyền yêu cầu thi Tnh án, tự nguyện thi Tnh án

hoặc bị cưỡng chế thi Tnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Tnh án dân sự; thời hiệu thi Tnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Tnh án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.B;
- THA DS Q.B;
- UBND P.13, Q. B;
- Đường sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Nguyệt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Nguyệt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thanh Mười